

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động
của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 36/TTr-HĐND ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 61/BC-HĐND ngày 02 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (gọi chung là các cấp) trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, bao gồm đại biểu hoạt động chuyên trách và đại biểu hoạt động không chuyên trách;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phối hợp, tham gia, phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc chung

Việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán, bảo đảm đúng chế độ, định mức, đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này và quy định có liên quan của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; như sau:

1. Về tiền lương:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách là cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước thuộc đối tượng áp dụng của Luật Cán bộ, công chức được trả lương, phụ cấp và các chế độ khác từ ngân sách nhà nước theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và quy định khác của pháp luật;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách đang làm việc ở cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thời gian thực hiện nhiệm vụ đại biểu được bảo đảm trả lương, phụ cấp, các chế độ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 103 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động không chuyên trách mà không phải là người hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp

hàng tháng từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội thì được chi trả chế độ tiền công lao động theo ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân:

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: 0,10 mức lương cơ sở/ngày;

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: 0,12 mức lương cơ sở/ngày;

Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 0,14 mức lương cơ sở/ngày.

Ngày thực tế thực hiện nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân là ngày tham gia các hoạt động của Hội đồng nhân dân theo kế hoạch, chương trình hoạt động của Hội đồng nhân dân.

2. Về hoạt động phí

Đại biểu Hội đồng nhân dân (bao gồm cả đại biểu hoạt động chuyên trách và hoạt động không chuyên trách) được hưởng hoạt động phí hàng tháng như sau:

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã: hệ số 0,3 mức lương cơ sở;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện: hệ số 0,4 mức lương cơ sở;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: hệ số 0,5 mức lương cơ sở.

3. Các chế độ, chính sách khác

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân nếu từ trần mà người lo mai táng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp mai táng từ quỹ bảo hiểm xã hội hoặc không thuộc đối tượng hưởng trợ cấp mai táng từ ngân sách nhà nước thì được hưởng một lần trợ cấp mai táng bằng 10 lần mức lương cơ sở do Hội đồng nhân dân cấp đó chi trả từ ngân sách nhà nước;

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 4. Các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

Ngoài các điều kiện bảo đảm hoạt động quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 1, 2 Điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân và Điều 3 Nghị quyết này, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp còn được chi hỗ trợ bảo đảm hoạt động. Nội dung chi và mức chi như sau:

1. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Hoạt động của đại biểu tại kỳ họp

- Tại các phiên họp toàn thể:

+ Chủ tọa kỳ họp: 250.000 đồng/người/buổi;

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Thư ký kỳ họp: 150.000đ/người/buổi;

+ Khách mời: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

- Tại các phiên họp thảo luận Tổ thảo luận tại kỳ họp:

+ Đại biểu chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi;

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Khách mời: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

- Tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân được tổ chức mời cơm đại biểu: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Hoạt động của Tổ đại biểu

- Tại các phiên họp thảo luận ở Tổ đại biểu:

+ Đại biểu chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi;

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Khách mời: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

- Chi hoạt động của Tổ đại biểu HĐND theo Nghị quyết thành lập Tổ: 3.000.000 đồng/Tổ/năm. Nội dung chi cụ thể do đại biểu Hội đồng nhân dân trong Tổ thống nhất.

c) Hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát:

- Trưởng đoàn, Chủ trì: 200.000 đồng/người/buổi;

- Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

- Khách mời: 100.000 đồng/người/buổi;

- Phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

d) Chi các cuộc họp thẩm tra, giám sát, khảo sát; phiên họp giải trình, chất vấn, liên tịch của Thường trực Hội đồng nhân dân và các cuộc họp khác của

Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân: mức chi như hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát.

Trường hợp Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân mời chuyên gia tham dự thẩm tra, giám sát, khảo sát, dự các phiên họp giải trình, chất vấn và các cuộc họp khác của Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân: mức chi như chi đối với Chủ trì/Trưởng đoàn; chuyên gia góp ý bằng văn bản: mức chi từ 400.000 đồng đến 1.000.000 đồng/văn bản.

đ) Lấy ý kiến đóng góp dự án luật, dự thảo văn bản của Trung ương; lấy ý kiến chuyên gia, lấy ý kiến nhân dân

- Hợp lấy ý kiến: mức chi bằng hoạt động thẩm tra, giám sát, khảo sát;

- Các cơ quan tổ chức việc lấy ý kiến đóng góp theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân: mức chi 1.000.000 đồng/cơ quan;

- Lấy ý kiến nhân dân: mức chi lấy ý kiến trực tiếp không quá 50.000 đồng/người; lấy ý kiến qua phiếu không quá 30.000 đồng/phiếu;

- Soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan tổ chức lấy ý kiến theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân: 500.000 đồng/báo cáo. Đối với báo cáo tổng hợp chung: 1.500.000 đồng/báo cáo.

Trường hợp mời chuyên gia tham dự lấy ý kiến: mức chi như chi đối với Chủ trì/Trưởng đoàn; chuyên gia góp ý bằng văn bản: mức chi từ 400.000 đồng đến 1.000.000 đồng/văn bản.

e) Chi tiếp công dân

- Chi tiếp công dân của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân theo kế hoạch:

+ Chủ trì tiếp công dân: 200.000 đồng/người/buổi;

+ Đại biểu Hội đồng nhân dân: 150.000 đồng/người/buổi;

+ Khách mời tham gia tiếp công dân: 100.000 đồng/người/buổi;

+ Phục vụ: 80.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp tổ chức ngoài trụ sở Hội đồng nhân dân, ngoài mức chi nêu trên còn chi hỗ trợ nơi tổ chức tiếp dân: 1.000.000 đồng/ngày để chi cho công tác tổ chức.

- Chi xây dựng hồ sơ phục vụ tiếp công dân theo kế hoạch: mức chi 200.000 đồng/hồ sơ.

- Chi hỗ trợ đối với Thường trực Hội đồng nhân dân và công chức thường xuyên tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân tại trụ sở làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh:

+ Thường trực Hội đồng nhân dân: 1.000.000 đồng/người/tháng.

+ Công chức: 700.000 đồng/người/tháng.

g) Chi công tác tiếp xúc cử tri

- Đại biểu Hội đồng nhân dân đi tiếp xúc cử tri được cấp: 300.000 đồng/người/buổi;

- Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri để trang trí; nước uống cho cử tri, đại biểu; ăn trưa hoặc chiều cho đại biểu, lực lượng phục vụ và các khoản chi khác: 2.000.000 đồng/điểm;

- Phục vụ : 80.000 đồng/người/buổi.

Trường hợp tổ chức các cuộc họp nêu trên vào các ngày nghỉ, ngày lễ thì mức chi thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

h) Chi công tác soạn thảo văn bản

- Soạn thảo báo cáo thẩm tra các đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch trung hạn, kế hoạch 5 năm; báo cáo tổng hợp chung ý kiến, kiến nghị cử tri; tổng hợp trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri; tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ: 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Chi cho các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện công tác tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ trước các kỳ họp Hội đồng nhân dân: mức chi 1.000.000 đồng/Tổ/năm;

- Soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết khác: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Soạn thảo báo cáo kết quả giám sát chuyên đề: 1.500.000 đồng/báo cáo; báo cáo kết quả khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả giám sát trong một năm: 1.000.000 đồng/báo cáo;

- Soạn thảo dự thảo nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân; văn bản phục vụ hoạt động chất vấn, giải trình, theo dõi việc thực hiện lời hứa và kiến nghị của Hội đồng nhân dân; báo cáo của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân; các văn bản khác liên quan đến Kỳ họp như: kế hoạch chuẩn bị nội dung kỳ họp; kế hoạch giám sát cả năm; gợi ý thảo luận; bài diễn văn, chương trình kỳ họp, chương trình giám sát; biên bản kỳ họp; đề cương tiếp xúc cử tri và văn bản cho ý kiến về các vấn đề phát sinh giữa 2 kỳ họp: 500.000 đồng/văn bản;

- Soạn thảo bài tham luận; báo cáo chuyên đề của Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của cấp trên; hồ sơ hội thảo; văn bản cho ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết: 1.000.000 đồng/văn bản;

- Xây dựng hồ sơ phục vụ hội nghị, phục vụ các đoàn công tác khảo sát, lấy ý kiến: 500.000 đồng/hồ sơ;

- Xây dựng hồ sơ giám sát (bao gồm quyết định thành lập đoàn, kế hoạch, đề cương giám sát): 1.500.000 đồng/hồ sơ;

- Rà soát, hoàn thiện nghị quyết trước, sau khi thông qua và ký ban hành: 300.000 đồng/ng nghị quyết;

i) Hỗ trợ khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phối hợp, tham gia, phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

- Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân tự nghiên cứu tài liệu kỳ họp: 1.000.000 đồng/đại biểu/kỳ họp;

- Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân khai thác thông tin, báo chí, internet; khai thác thông tin trên Văn phòng điện tử, cập nhật, nghiên cứu văn bản... và giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND trong thời gian giữa 02 kỳ họp: mức chi 300.000 đồng/tháng.

- Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được trang cấp một máy tính xách tay hoặc máy tính bảng để nghiên cứu tài liệu kỳ họp, truy cập, trao đổi thông tin trên Văn phòng điện tử. Giá trị máy tính xách tay, máy tính bảng do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm: Ngoài các chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe hàng năm theo mức là 2.000.000 đồng/người/năm. Riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên.

- Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ tiền may trang phục: 7.000.000 đồng/đại biểu; công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân được hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người.

- Hỗ trợ công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân: 1.000.000 đồng/người/năm;

- Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ:

+ Hội nghị đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân và các hội nghị khác như mức chi tại phiên họp toàn thể của kỳ họp;

+ Hội thảo do Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức: mức chi không quá hai lần mức chi tại phiên họp toàn thể của kỳ họp;

+ Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ: đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do cấp có thẩm quyền tổ chức, ngoài chế độ, chính sách tập huấn, bồi dưỡng, công tác phí thì đại biểu được Hội đồng nhân dân cấp mình hỗ trợ thêm 150.000 đồng/người/ngày.

- Chi học tập kinh nghiệm:

+ Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh phải ăn, nghỉ dọc đường, ngoài chế độ công tác phí theo quy định thì được chi hỗ trợ thêm tiền ăn 150.000 đồng/người/ngày.

+ Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân tổ chức các đoàn đại biểu đến tỉnh bạn trao đổi, học tập kinh nghiệm mức quà tặng cho mỗi tỉnh không quá 2.000.000 đồng. Các đoàn công tác của các tỉnh bạn đến học tập kinh nghiệm về hoạt động Hội đồng nhân dân: mức quà tặng không quá 2.000.000 đồng/đoàn.

- Tặng quà lưu niệm: đại biểu Hội đồng nhân dân; cá nhân tham gia công tác thường xuyên, tích cực, có nhiều đóng góp cho hoạt động Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ. Giá trị quà tặng do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp.

- Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, công chức, người lao động Văn phòng Hội đồng nhân dân khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm: mức chi tối đa 1.500.000 đồng/người.

- Chi tặng quà đối với người có công; thân nhân người có công với cách mạng; thương binh; bệnh binh; người khuyết tật; người có nhiều đóng góp đối với hoạt động Hội đồng nhân dân; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: trại điều dưỡng, trại trẻ mồ côi,... không quá 3.000.000/đồng/lần/năm đối với tập thể; không quá 800.000 đồng/lần/năm đối với cá nhân. Đối tượng cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định;

- Chi quà tặng nhân dịp Tết Nguyên đán đối với các đồng chí là Thường trực HĐND, lãnh đạo chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đã nghỉ hưu: không

quá 1.000.000 đồng/người; công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đã nghỉ hưu: không quá 700.000 đồng/người.

- Chi thăm hỏi, thăm viếng, trợ cấp:

+ Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu; công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đương nhiệm: mức chi thăm hỏi khi bệnh nằm viện không quá 1.000.000 đồng/người/lần; mức chi thăm viếng khi từ trần không quá 3.000.000 đồng. Trường hợp bị bệnh hiểm nghèo thì mức chi trợ cấp không quá 3.000.000 đồng/người/lần, chi không quá 2 lần/người/năm. Cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con của các đối tượng nêu trên khi từ trần, mức chi thăm viếng: không quá 2.000.000 đồng;

+ Đối với Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ngành và tương đương trở lên; nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đã nghỉ hưu; Thường trực và lãnh đạo các Ban của Hội đồng nhân dân cấp huyện: mức chi thăm hỏi khi bệnh nằm viện không quá 1.000.000 đồng/người/lần; mức chi thăm viếng khi từ trần không quá 3.000.000 đồng.

Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu; công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đương nhiệm gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn thì tùy theo hoàn cảnh, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định mức trợ cấp nhưng không quá 5.000.000 đồng/người.

+ Đối với Thường trực, lãnh đạo các Ban, lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh bạn có mối liên hệ hoạt động thường xuyên với Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang: mức chi thăm hỏi khi bệnh nằm viện không quá 1.000.000 đồng/người/lần, thăm viếng khi từ trần không quá 2.000.000 đồng.

2. Đối với đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã

Mức chi bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện bằng 60% mức chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1, Điều 4 Nghị quyết này.

Mức chi bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã bằng 40% mức chi quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h khoản 1, Điều 4 Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định nội dung chi, mức chi, đối tượng được hỗ trợ quy định tại điểm i, khoản 1, Điều 4 Nghị

quyết này sau khi trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp nhưng không quá mức chi của tỉnh.

3. Các chế độ chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì chi theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi thực hiện các chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

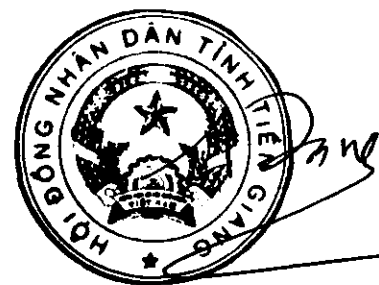
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa IX, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2019.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

Nơi nhận:

- UB.Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Sở Tài chính
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh